

**ĐÔNG NAM BỘ TRONG MẠNG LƯỚI TƯƠNG TÁC
VĂN HÓA THỜI KIM KHÍ: NHẬN THỨC QUA PHÁT HIỆN
KHẢO CỔ HỌC (2015 - 2025)**

NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN*

Dựa trên những phát hiện khảo cổ được khai quật từ năm 2015 đến năm 2025, bài viết này làm sáng tỏ mạng lưới tương tác văn hóa đa chiều đã xuất hiện ở Đông Nam Bộ Việt Nam trong thời đại Kim khí. Thông qua việc phân tích các bộ sưu tập hiện vật - phong phú về cả chất liệu lẫn nguồn gốc - nghiên cứu này cung cấp bằng chứng sống động về sự tham gia tích cực của các cộng đồng địa phương vào mạng lưới thương mại hàng hải thời đại Đồ sắt (khoảng 2.500 - 2.000 năm trước). Phát hiện nổi bật nhất là đồ trang sức bằng ngọc nephrite có nguồn gốc từ Đài Loan và đá mica xanh ở miền Trung Philippines. Đáng chú ý, những mặt hàng thương mại giá trị cao này không chỉ giới hạn ở vùng ven biển mà chúng được tìm thấy sâu trong nội địa khoảng 50km, cho thấy một hệ thống phân phối rộng khắp thời bấy giờ. Sự du nhập của những sản phẩm giá trị cao này được coi là chất xúc tác cho sự chuyển đổi xã hội sâu sắc, thúc đẩy sự phân tầng xã hội và sự hình thành của tầng lớp tinh hoa, tù trưởng và trung tâm quyền lực địa phương trong những thế kỷ đầu Công nguyên. Dữ liệu mới này phác họa một bức tranh khác so với nhận thức trước đây, cho thấy Đông Nam Bộ Việt Nam không phải là nơi tiếp nhận các yếu tố văn hóa thụ động mà là một trung tâm năng động và là mắt xích quan trọng trong bức tranh kinh tế và văn hóa kết nối Đông Nam Á lục địa và hải đảo vào thời tiền sử và sơ sử.

Từ khóa: khảo cổ học, Đông Nam Bộ, mộ chum, thương mại hàng hải, tương tác văn hóa
Nhận bài ngày: 30/9/2025; đưa vào biên tập: 01/10/2025; phản biện: 22/10/2025; duyệt đăng: 05/11/2025

1. DẪN NHẬP

Với vị trí địa - chiến lược như một cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và hải đảo,

Đông Nam Bộ Việt Nam được nhận định là một không gian văn hóa năng động trong bản đồ tiền sử - sơ sử của khu vực. Các cộng đồng cư dân cổ tại đây không chỉ kiến tạo nên truyền thống văn hóa bản địa đặc sắc mà còn tham gia sâu rộng vào các mạng lưới trao đổi

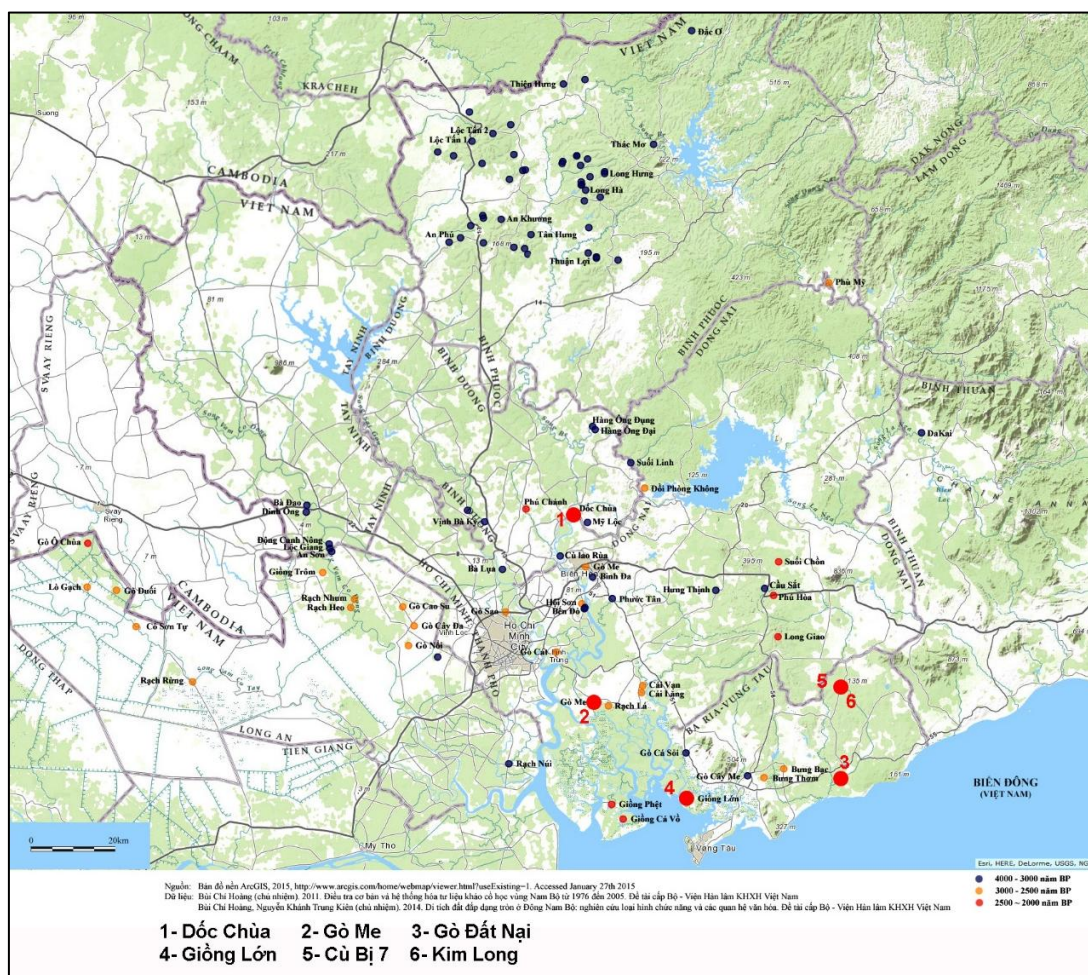
* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

sản phẩm và tương tác văn hóa ở quy mô liên vùng, liên khu vực từ khoảng 2.500 năm trước.

Thập niên 2015 - 2025 đã ghi nhận bước tiến quan trọng trong nghiên cứu khảo cổ tại khu vực Đông Nam Bộ. Các chương trình khai quật và nghiên cứu tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương (nay là TPHCM) và Đồng Nai cùng với các khu vực lân cận đã có những phát hiện

mới, cung cấp một hệ thống dữ liệu có giá trị khoa học. Các nghiên cứu triển khai trên nhiều địa hình sinh thái đa dạng, từ lưu vực châu thổ của các con sông lớn, vùng ven biển ngập mặn đến các vùng địa hình thềm phù sa cổ và đất đồ basalt. Mỗi khu vực này đều hé lộ những manh mối quan trọng, góp phần phục dựng một bức tranh toàn cảnh và đa chiều về quá khứ.

Hình 1. Bản đồ phân bố các di tích khảo cổ ở Đông Nam Bộ



Nguồn: Bùi Chí Hoàng (2017) và tác giả hiệu chỉnh.

Một trong những biểu hiện vật chất rõ nét và mang lại nhiều thông tin khoa học nhất của các cộng đồng này chính là loại hình di tích mộ táng, đặc biệt là

truyền thống mai táng sử dụng chum và vò gốm. Các khu mộ chum, được phát hiện ở cả đất liền và hải đảo, không chỉ cung cấp thông tin về nghi thức mai

táng và tổ chức xã hội, mà còn hé lộ bằng chứng xác thực về các quan hệ giao lưu văn hóa đa chiều thông qua các tổ hợp đồ tùy táng vốn rất đa dạng về loại hình, chất liệu và nguồn gốc chế tác.

Bài viết này tập trung vào việc tổng hợp và phân tích các phát hiện khảo cổ học mới từ những di chỉ mộ táng và cư trú tiêu biểu. Thông qua việc phân tích hiện vật tại các trường hợp điển hình như Dốc Chùa (Bình Dương, nay là TPHCM), Gò Me (Nhơn Trạch, Đồng Nai), Gò Đất Nại, Gò Nần, di tích Cồn Hải Đăng tại Côn Đảo, và đặc biệt là các phát hiện mới tại Kim Long và Cù Bị 7 (Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là TPHCM) trong năm 2024 (Hình 1). Nghiên cứu trình bày tổng quan những phát hiện nổi bật, qua đó đưa ra những luận giải về các mối quan hệ văn hóa ở quy mô nội vùng, liên vùng và liên khu vực trong thời đại kim khí.

2. TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA BẢN ĐỊA VÀ CÁC YẾU TỐ DU NHẬP Ở ĐÔNG NAM BỘ

Lưu vực sông Đồng Nai từ lâu đã được giới nghiên cứu xác định là không gian hình thành và phát triển của “văn hóa Đồng Nai”, là một nền văn hóa khảo cổ có nhiều giai đoạn phát triển kéo dài từ hậu kỳ đá mới đến thời đại đồ sắt. Khu vực này cũng nổi lên như một trung tâm luyện kim phát triển đỉnh cao của văn hóa Đồng Nai, đại diện cho thời tiền sử và sơ sử ở Đông Nam Bộ (Bùi Chí Hoàng, 2017).

Trong chuỗi phát triển đó của văn hóa Đồng Nai, địa điểm Dốc Chùa được nhận định là di tích đại diện của giai đoạn phát triển đỉnh cao thời đại đồng

thau với kỹ thuật luyện kim đúc đồng tiên tiến cùng nhiều loại hình hiện vật tinh xảo, trong đó có một “tượng thú săn mồi” được xếp hạng Bảo vật quốc gia.

Hình 2. Trang sức bằng đá mica xanh phát hiện ở di tích Dốc Chùa và Đông Nam Á



Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên và Hsiao-chun Hung (2025) và tác giả hiệu chỉnh.

Cuộc khai quật tại di chỉ cư trú và xưởng thủ công luyện kim đúc đồng Dốc Chùa năm 2018 không chỉ củng cố thêm nhận định này mà còn mang lại một phát hiện mang tính chỉ dấu cho các tương tác liên vùng. Trong tầng văn hóa thuộc giai đoạn hậu kỳ của thời đại kim khí, một hạt chuỗi chế tác từ đá mica xanh ký hiệu 18DC.H2a1L3.1:24 đã được phát hiện⁽¹⁾ (Hình 2). Phân tích sơ bộ về khoáng tướng học bằng phương pháp huỳnh quang tia X (XRF) cho thấy loại khoáng vật này không có nguồn gốc bản địa, với khả năng rất cao được nhập khẩu từ khu vực Mindoro (miền Trung Philippines). Loại đá nguyên liệu này tương tự các phát hiện trong các di tích khảo cổ khác ở Nam Thái Lan, Borneo và gần hơn là ở di tích Giồng Cá Vồ (Cần Giẻ - TPHCM) (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Hsiao-chun Hung, 2025). Tầng văn hóa nơi phát hiện hạt chuỗi này có hai mẫu phân tích niên đại bằng phương pháp AMS, ký hiệu 18.DC.H2.M1 (ký hiệu Lab S-

ANU#63312) cho kết quả 2.529 ± 23 BP (cách ngày nay) và mẫu ký hiệu 18.DC.H2.M1 (ký hiệu Lab S-ANU#63313) cho kết quả 2.561 ± 23 BP (cách ngày nay). Kết quả phân tích nói trên cho thấy hạt chuỗi mica xanh xuất hiện tại Dốc Chùa cũng tương đồng về niên đại với các di tích nói trên.

Sự hiện diện của hạt chuỗi đá mica xanh Mindoro này cung cấp bằng chứng vật chất trực tiếp, củng cố các giả định trước đây về sự tồn tại của một tuyến giao thương hàng hải kết nối cộng đồng Dốc Chùa với các trung tâm khác ở Đông Nam Á hải đảo, cách xa nơi đây hàng nghìn kilômét. Một khả năng được đặt ra là các đồ trang sức bằng đá mica xanh đã được trao đổi đến cộng đồng Giồng Cá Vồ vốn đóng vai trò như một “trạm trung chuyển” ở vùng rừng ngập mặn Cần Giờ và từ đó tiếp tục được phân phối đến các cộng đồng đương đại cư trú sâu hơn trong nội địa qua các tuyến chỉ lưu của hệ thống sông Đồng Nai.

Tại vùng ngập mặn ven biển, cuộc khai quật di tích Gò Me năm 2019 đã bổ sung những bằng chứng xác thực về vai trò tiếp nhận các yếu tố văn hóa du nhập nơi cửa ngõ từ biển vào nội địa. Niên đại di tích này được xác định khoảng 3.000 đến hơn 2.000 năm cách ngày nay⁽²⁾. Bên cạnh các loại hình gốm và công cụ sinh hoạt đặc trưng, có xuất hiện của một hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific ký hiệu 19.GM.H1.b1.L4.2:80⁽³⁾. Dù trong cuộc khai quật này chỉ tìm thấy một hạt chuỗi thủy tinh nhưng đây là một chỉ dấu quan trọng cho thấy sự giao lưu của cư dân nơi đây với thế giới bên ngoài bởi đây là loại hình hiện vật đặc

trưng cho các mạng lưới thương mại hàng hải sơ kỳ, được khởi phát bởi những cộng đồng cư trú ven biển khu vực Đông Nam Á. Tại địa điểm Giồng Cá Vồ gần đó, là di tích đồng đại với Gò Me, các phát hiện khảo cổ cho thấy là một trong những điểm dừng quan trọng trong những tuyến hải hành thời cổ trong hệ thống thương mại trên biển rất sôi động trong khoảng 500 năm trước Công nguyên mà hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific cũng là một trong những hàng hóa chủ yếu. Về sau, trong những thế kỷ đầu Công nguyên, hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific trở thành một hàng hóa phổ biến ở Nam Á, Đông Nam Á lục địa và hải đảo.

Hình 3. Vật trang sức bằng xương - di tích Gò Me (Nhơn Trạch - Đồng Nai)



Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học - 2019.

Ngoài ra, còn có hai hiện vật đáng chú ý khác tại Gò Me là vật trang sức làm bằng xương, trên bề mặt có khắc motif bốn vòng tròn đồng tâm⁽⁴⁾, ký hiệu 19.GM.H1.b5.L4.1:8 và 19.GM.H1.b4.L4.1:9 (Hình 3) (Lê Hoàng Phong và cộng sự, 2019). Kỹ thuật và phong cách trang trí này cho thấy sự tương đồng rõ rệt với các hiện vật trong các văn hóa cùng thời kỳ ở Đông Nam Á hải đảo, điển hình là truyền thống Sa Huỳnh-Kalanay. Điều này gợi ý về một sự tương tác không chỉ giới hạn ở các loại hàng hóa, sản phẩm vật chất mà còn bao hàm cả sự chia sẻ và lan tỏa

các biểu tượng mang ý nghĩa mỹ thuật - văn hóa - tinh thần.

Loại hình di tích mộ táng với táng thức trong các chum-vò là một trong những đặc trưng nổi bật của khảo cổ học Đông Nam Bộ trong thời Kim khí (khoảng 2.700 - 2.000 năm cách ngày nay). Táng thức này sử dụng các đồ đựng bằng gốm kích thước lớn để làm “quan tài” chôn cất người chết. Đây là một thực hành văn hóa đối với người chết được ghi nhận phổ biến ở Đông Nam Á hải đảo, tạo nên một “không gian văn hóa mộ chum” trải rộng và thường được liên hệ với “truyền thống văn hóa Sa Huỳnh - Kalanay”.

Tại địa điểm Gò Đất Nại, trên một giồng cát chạy dọc theo sông Đàng, kết quả khai quật khảo cổ vào các năm 2022 - 2023 đã làm xuất lộ khu vực cư trú mộ táng với hai giai đoạn phát triển văn hóa sớm - muộn. Giai đoạn sớm (thời tiền sử) đã phát hiện các hiện vật có niên đại khoảng 3.000 - 2.500 năm cách ngày nay, đặc trưng bởi các công cụ chế tác làm bằng đá như rìu, cuốc và các mảnh gốm thô, cho thấy đây là một địa điểm cư trú của các cộng đồng nông nghiệp sớm. Giai đoạn muộn (thời sơ sử) có niên đại trong khoảng từ 2.500 cách ngày nay đến một hai thế kỷ đầu Công nguyên cho thấy tính chất của một khu mộ táng quy mô lớn với cả mộ huyết đất và mộ chum - vò (Lê Hoàng Phong và cộng sự, 2023a).

Các di tích mộ chum - vò nơi đây tìm thấy các loại đồ tùy táng phong phú, từ các đồ gốm sinh hoạt thường nhật cho đến các công cụ, vũ khí bằng sắt, và đặc biệt là sự xuất hiện của nhóm 57 hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific với ba

màu chủ đạo là xanh dương, vàng và đỏ (nhóm 22 hạt kích thước nhỏ ký hiệu 23.GĐN.H1.L3.6.F6:12 và nhóm 35 hạt kích thước lớn hơn, ký hiệu 23.GĐN.H1.L3.2.F1:14)⁽⁵⁾ và một chiếc vòng đeo tay bằng thủy tinh mặt cắt hình chữ T (ký hiệu 23.GĐN.H1.L3.5.F6:01)⁽⁶⁾ cho đến nay chưa có di tích nào ở Đông Nam Bộ tìm thấy hiện vật tương tự về loại hình và chất liệu⁽⁷⁾ (Hình 4). Sự xuất hiện của các hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific và vòng tay bằng thủy tinh nói trên là chỉ dấu quan trọng về niên đại và giao lưu văn hóa, cho thấy cộng đồng cư dân Gò Đất Nại ít nhiều đã tham gia vào mạng lưới thương mại hàng hải thời bấy giờ. Nơi đây từ một khu cư trú thời tiền sử cho đến một khu mộ táng thời sơ sử với các sản phẩm du nhập, phản ánh một quy luật chung của các nhóm cư dân cổ ở Đông Nam Bộ trong giai đoạn chuyển tiếp từ tiền sử muộn sang lịch sử, tương đồng các di tích khác ở khu vực vịnh Gành Rái như Giồng Lớn (thành phố Vũng Tàu), Giồng Cá Vồ (TPHCM) hay xa hơn trong nội địa như Gò Ô Chùa (Long An).

Hình 4. Vòng tay bằng thủy tinh - di tích Gò Đất Nại (Bà Rịa - Vũng Tàu)



Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học - 2023

Tại Giồng Lớn trong cuộc khai quật năm 2023 đã tiếp tục phát hiện các di tích

mộ táng tương tự những cuộc khai quật trước đây. Táng thức chủ yếu là mộ chum-vò, chỉ có đồ tùy táng nhưng không có di cốt người bên trong. Trong số các loại đồ tùy táng nơi đây, hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific được tìm thấy trong các mộ với số lượng 186 hạt, gồm nhiều sắc màu khác nhau: xanh dương, đỏ nâu, xanh lá cây và đen (Lê Hoàng Phong và cộng sự, 2023b). Các hạt chuỗi này không phải là sản phẩm chế tác tại chỗ của cộng đồng mà khả năng được trao đổi, nhập từ nơi khác qua mạng lưới thương mại hàng hải mà Giồng Lớn là một trong những di tích thể hiện rõ nét qua các phát hiện trước đây như mặt nạ vàng, các đồ trang sức bằng đá quý, đá bán quý.

Các cuộc khai quật năm 2024 tại 2 khu mộ táng (Kim Long và Cù Bị 7) đã mang lại những phát hiện mới, cung cấp những bằng chứng trực tiếp và đầy sức thuyết phục về một mạng lưới trao đổi hàng hóa cao cấp với các cộng đồng phương xa. Hai di tích này được xác định niên đại tương đối vào khoảng 2.500 - 2.200 năm cách ngày nay (Lê Hoàng Phong và cộng sự, 2024). Tại hai địa điểm Kim Long và Cù Bị 7 đã làm phát hiện các di chỉ mộ chum-vò, một thực hành nghi lễ chôn cất người chết độc đáo của cư dân tiền sử Đông Nam Bộ nói riêng và Đông Nam Á nói chung. Các mộ táng bao gồm chum gốm kích thước lớn được sử dụng làm quan tài, bên trong chứa các đồ gốm, đồ trang sức làm vật tùy táng. Phân tích các sưu tập đồ tùy táng này cho thấy chất liệu và nguồn gốc của chúng rất đa dạng. Bên cạnh đồ gốm và công cụ sản xuất nguồn gốc bản địa, còn có nhiều

hiện vật ngoại lai chiếm một tỷ lệ đáng kể, có thể nhận ra chúng bao gồm: đồ trang sức và các vật dụng bằng kim loại, các loại chuỗi hạt bằng đá bán quý (carnelian, agate) và thủy tinh có nguồn gốc từ Ấn Độ, nam Thái Lan, Đông Nam Á hải đảo.

Bên cạnh các vật dụng có nguồn gốc tại chỗ, các đồ tùy táng trong các mộ chum, vò tại đây đã chỉ ra sự tồn tại của một mạng lưới trao đổi sản phẩm, kết nối nhiều vùng đất xa xôi, cụ thể như đồ trang sức bằng đá ngọc (nephrite) với các loại hình hạt chuỗi hình trụ dài với mặt cắt hình vuông (ký hiệu 24.KL.H1.L2.3.F43.M30:66⁽⁸⁾ 24.KL.H1.L2.7.F40.M28:80⁽⁹⁾, ký hiệu 24.KL.H1.M9:86⁽¹⁰⁾) và các khuyên tai ba mẫu (Lingling-O) bằng đá ngọc nephrite, ký hiệu 24.KL.H1.L2.3.F43.M30:65⁽¹¹⁾ (Hình 5).

Hình 5. Hạt chuỗi, khuyên tai đá ngọc Nephrite và đồ trang sức đá quý, thủy tinh tại di tích Kim Long và Cù Bị 7 (Bà Rịa - Vũng Tàu)



Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học - 2024.

Qua nghiên cứu so sánh các đồ trang sức này cho thấy sự tương đồng cao về

kiểu dáng và chất liệu với những hạt chuỗi được khai quật tại di tích khảo cổ Beinan (Đài Đông, Đài Loan). Tại di tích Beinan, Hsiao-chun Hung và Chin-yung Chao (2016) cho biết trong giai đoạn muộn tìm thấy nhiều đồ trang sức làm bằng thủy tinh, agate, carnelian, sắt, đồng và vàng. Những hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific sớm nhất được biết đến ở Đài Loan có nguồn gốc từ lớp văn hóa muộn của di tích Beinan vào khoảng năm 400 - 300 trước Công nguyên và là đại diện cho sản phẩm thương mại nhập từ nước ngoài. Các hạt thủy tinh Indo-Pacific được tìm thấy ở Đài Loan có nhiều điểm tương đồng về màu sắc hay chất liệu với các hạt tìm thấy ở Philippines và Đông Nam Á nói chung.

Các nghiên cứu cho rằng có hai giai đoạn trong quá trình trao đổi nguyên liệu đá ngọc Nephrite ra khỏi Đài Loan thời tiền sử: giai đoạn đầu chỉ giới hạn phạm vi lan tỏa đến phía bắc Philippines, diễn ra vào khoảng 2000 đến 500 - 400 năm trước Công nguyên, và sau đó là giai đoạn lan tỏa mạnh hơn, diễn ra vào khoảng 500 - 400 năm trước Công nguyên, khi đó việc xuất khẩu nguyên liệu này gia tăng đáng kể (dẫn lại theo Hung & Chao, 2016).

Các phát hiện về hạt chuỗi và khuyên tai ba mút bằng đá ngọc Nephrite nguồn gốc Đài Loan trong các di tích khảo cổ ở Đông Nam Bộ đã được ghi nhận qua một số phát hiện trước đây tại Giồng Cá Vồ. Chúng là bằng chứng vật chất về “con đường thương mại hàng hải” kết nối cộng đồng cư dân Nam Bộ thời bấy giờ với các trung tâm chế tác đá ngọc nephrite ở Đài Loan qua các

“trạm trung chuyển” ở Đông Nam Á hải đảo. Tuy nhiên, điều đặc biệt trong các phát hiện gần đây chính là vị trí của Kim Long và Cù Bì 7 nằm sâu trong nội địa khoảng 50km so với bờ biển. Điều này cho thấy vào giai đoạn này mạng lưới phân phối đã hình thành và nhu cầu tiêu thụ các loại trang sức cao cấp bằng đá ngọc đã lan tỏa rất mạnh mẽ vào các cộng đồng sinh sống sâu trong nội địa, không chỉ giới hạn ở các di tích “tiền cảng thị” ven biển như Giồng Phệt hay Giồng Cá Vồ ở vùng vịnh biển Gành Rái như các nghiên cứu trước đây đã ghi nhận.

Ngoài ra, tại di tích Kim Long, các nhà khảo cổ cũng phát hiện một hạt chuỗi nhỏ, khả năng được chế tác bằng đá mica xanh, ký hiệu 24.KL.H1.L2.7.b9 b10:78⁽¹²⁾. Mặc dù cần có thêm những phân tích chi tiết hơn thành phần nguyên liệu bằng các phương pháp vật lý hạt nhân để có một kết luận chính xác, nhưng qua các nghiên cứu sơ bộ ban đầu cho thấy khả năng rất cao hạt chuỗi này làm từ đá mica xanh có nguồn gốc từ Mindoro (miền Trung Philippines). Như vậy, sau cuộc khai quật này chúng ta có thêm một hạt chuỗi đá mica xanh tương tự với hạt chuỗi phát hiện tại di tích Dốc Chùa đã đề cập bên trên. Chính phát hiện này một lần nữa khẳng định yếu tố giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng cổ ở Đông Nam Bộ với khu vực hải đảo trong giai đoạn 500 năm trước Công nguyên.

Không chỉ trong đất liền mà tại Côn Đảo, các phát hiện khảo cổ học đã ghi nhận nhiều di tích khảo cổ có niên đại khoảng 3.000 - 2.000 năm cách ngày nay, chủ yếu là các điểm cư trú ngắn hạn và di

tích mộ táng phân bố trên các cồn cát ven biển. Trong năm 2022, trong chương trình điều tra khảo sát đã có một phát hiện đáng lưu ý, đó là mộ chum tại di tích Cồn Hải Đăng, với đồ tùy táng bao gồm vòng tay thủy tinh, hạt chuỗi bằng đồng thau và công cụ sắt. Mộ chum gồm hai chum đặt úp vào nhau, kích thước tổng thể cao 90cm, rộng 66cm, nắp là một chum dáng hình trứng, có đục một lỗ thông hơi, cao 50cm, đường kính 55cm. Chum bên dưới cao 40cm, rộng 66cm, có dáng hình cầu, vành miệng được ghè bỏ, thân phình rộng ở giữa và thon nhỏ dần xuống dưới, đáy tròn. Bên trong chum lấp đầy cát, đáy chum có nhiều tro và đồ tùy táng, gồm 10 chiếc vòng thủy tinh màu xanh dương sẫm, được xếp thành hàng, xung quanh là các hạt chuỗi dài, bằng đồng cùng các công cụ và vũ khí bằng sắt⁽¹³⁾ (Hình 6).

Hình 6. Mộ chum và đồ tùy táng trong chum - di tích Cồn Hải Đăng (Côn Đảo)



- (1) Mộ chum phát hiện tại di tích Cồn Hải Đăng (Côn Đảo).
- (2) Hiện vật tùy táng trong chum.
- (3) Hạt chuỗi bằng đồng.

Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học - 2022.

Các loại hình di vật phát hiện trong mộ chum này có nhiều nguồn gốc khác nhau, phản ánh mối quan hệ - trao đổi giao lưu văn hóa rất đa dạng, gián tiếp cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống trao đổi thương mại - văn hóa trên các tuyến đường thương mại biển ở khu vực Đông Nam Á và xa hơn. Phân tích loại hình học tổ hợp hiện vật này cho phép định tuổi của mộ chum vào khoảng 2.500 - 2.000 năm cách ngày nay (Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự, 2022; Đặng Thị Bé Châu, 2024).

Sự kết hợp của trang sức thủy tinh, đồ đồng và đồ sắt phản ánh rõ nét sự tham gia của cộng đồng cổ tại Côn Đảo vào các tuyến thương mại trên biển khu vực Đông Nam Á. Vị trí địa lý đặc biệt đã cho phép Côn Đảo đóng vai trò như một trạm dừng chân, một điểm kết nối quan trọng cho các thương thuyền thời bấy giờ trong khoảng một vài thế kỷ trước

sau Công nguyên.

Như vậy, qua các phát hiện trong thập niên gần đây, dữ liệu về mạng lưới tương tác liên khu vực của văn hóa Đồng Nai đã được bổ sung những bằng chứng quan trọng, thông qua việc phát hiện các hạt chuỗi chế tác từ đá mica xanh trong các cuộc khai quật tại di chỉ Dốc Chùa và Kim Long hay đồ trang sức bằng đá

ngọc nephrite tại Kim Long và Cù Bị 7. Những hiện vật này không chỉ là một chỉ dấu về hoạt động trao đổi thương mại, mà còn là một vật chứng cho sự chia sẻ, lan tỏa kỹ thuật chế tác và tri thức về nguyên liệu giữa các cộng đồng cổ đại ở lục địa và hải đảo Đông Nam Á (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Hsiao-chun Hung, 2025).

3. THẢO LUẬN

Có thể thấy rằng, sự hiện diện của các sản phẩm du nhập có giá trị cao trong các di tích mộ táng cổ đại đã chỉ ra nhiều câu chuyện, không chỉ phản ánh nhu cầu thẩm mỹ, hay quy mô của hoạt động trao đổi mà còn hé lộ về sự phân tầng xã hội, quyền lực của các lớp thủ lĩnh địa phương và vai trò của các vật phẩm này trong đời sống tín ngưỡng, tinh thần của các cộng đồng cư dân cổ nơi này. Các dữ liệu khảo cổ học được trình bày ở trên đã góp phần cung cấp những bằng chứng thuyết phục để nhận định rằng khu vực Đông Nam Bộ, trong Giai đoạn chuyển tiếp từ thời đại đồng thau sang thời đại sắt (khoảng 2.700 - 2.000 năm BP), không phải là không gian văn hóa biệt lập mà chính là một mắt xích tích cực, năng động và quan trọng trong mạng lưới tương tác kinh tế - văn hóa quy mô lớn, kết nối Đông Nam Á lục địa và hải đảo.

Trước hết, có thể nhận ra nền tảng nội sinh được tích lũy qua các giai đoạn phát triển của của “văn hóa Đồng Nai” đóng vai trò then chốt. Các di tích như Dốc Chùa, Bưng Bạc đã cho thấy một trình độ phát triển đỉnh cao của kỹ nghệ luyện kim đúc đồng bản địa. Chính từ nền tảng và kỹ thuật vững chắc này đã tạo ra động lực phát triển nội tại, cho

phép các cộng đồng địa phương chủ động tham gia và hội nhập vào các mạng lưới trao đổi liên khu vực, thay vì chỉ đóng vai trò tiếp nhận một cách thụ động.

Thứ hai, các hiện vật nguồn gốc du nhập đã cung cấp bằng chứng trực tiếp về các mạng lưới tương tác đa tuyến. Dữ liệu từ các di chỉ khảo cổ được khai quật trong thập niên 2015 - 2025 cho thấy cư dân cổ Đông Nam Bộ đã tham gia vào mạng lưới thương mại hàng hải sơ kỳ xuyên Biển Đông (khoảng 2.500 - 2.000 năm trước), thể hiện qua các loại vật phẩm khai quật được tại các di tích như:

- Hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific và vòng tay thủy tinh tại các di tích ven biển như Gò Đất Nại, Gò Me, và Cồn Hải Đăng. Những hiện vật này kết nối khu vực với các tuyến thương mại biển sơ kỳ khởi nguồn từ Nam Á và Nam Thái Lan.

- Các hạt chuỗi bằng đá mica xanh nguồn gốc từ Mindoro (miền Trung Philippines) phát hiện tại Dốc Chùa và Kim Long gợi ý về mối liên kết với truyền thống văn hóa Sa Huỳnh-Kalanay.

- Dấu hiệu rõ nét nhất chính là các đồ trang sức bằng đá ngọc nephrite với loại hình khuyên tai ba mút (Lingling-O) và các hạt chuỗi hình trụ khả năng nhập khẩu từ di tích Beinan (Đài Đông, Đài Loan), được phát hiện tại Kim Long và Cù Bị 7. Điều đặc biệt là các di tích này nằm sâu trong nội địa khoảng 50km, cho thấy mạng lưới phân phối, trao đổi hàng hóa “cao cấp” không chỉ tập trung ở các khu vực ven biển mà còn lan sâu vào nội địa. Điều này phản ánh nhu cầu tiêu thụ hàng hóa giá trị cao của các cộng đồng nội địa.

Cuối cùng, sự du nhập của các sản phẩm quý hiếm, ngoại lai đã tác động sâu sắc đến cấu trúc xã hội. Sự tập trung các hiện vật quý hiếm (đá ngọc nephrite, đá bán quý, đồ trang sức thủy tinh) trong các mộ táng cho thấy chúng không chỉ là hàng hóa trao đổi mà khả năng còn là các vật phẩm biểu thị cho quyền lực và địa vị xã hội trong cộng đồng. Quá trình này được xem là chất xúc tác quan trọng, thúc đẩy sự phân tầng xã hội, dẫn đến sự hình thành của tầng lớp tinh hoa, thủ lĩnh địa phương, và tạo tiền đề cho sự ra đời của các nhà nước sơ khai ở giai đoạn lịch sử kế tiếp.

4. KẾT LUẬN

Giai đoạn chuyển tiếp từ thời đại đồng thau sang thời đại đồ sắt ở Nam Bộ (khoảng 2.700 - 2.000 năm trước) đặc trưng bởi quá trình các cộng đồng cư dân thích ứng dần với môi trường duyên hải và quá trình hội nhập sâu rộng vào các mạng lưới tương tác văn hóa biển. Mặc dù phải đối diện với những hạn chế về tài nguyên như sự khan hiếm nước ngọt và tiềm năng sản xuất nông nghiệp hạn chế trên các giồng cát ven biển, nhưng chính vị trí chiến lược tại các cửa sông đã trở thành yếu tố then chốt, cho phép các cộng đồng này đảm nhận vai trò mắt xích quan trọng trong các hệ thống trao đổi liên vùng.

Di sản vật chất của giai đoạn này ghi nhận sự gia tăng đột biến của các hiện vật ngoại lai, từ trang sức thủy tinh, hạt chuỗi đá bán quý đến kim loại quý. Sự lưu thông hàng hóa tất yếu kéo theo sự lan tỏa của kỹ thuật sản xuất, các hệ thống biểu tượng và những mô thức tổ chức xã hội mới, qua đó định hình lại

một cách sâu sắc nền tảng văn hóa và cấu trúc xã hội của các cộng đồng cổ đại tại đây. Sự du nhập của các yếu tố văn hóa ngoại sinh, cả văn hóa vật chất lẫn các thành tố phi vật chất, đã trở thành chất xúc tác cho một quá trình chuyển biến kinh tế-xã hội sâu sắc, tích hợp và tạo tiền đề cho sự định hình của các xã hội phức hợp và các trung tâm quyền lực ở giai đoạn lịch sử kế tiếp. Bởi lẽ, sự hiện diện của các hiện vật ngoại lai, quý hiếm trong đồ tùy táng là chỉ dấu vật chất của tầng lớp tinh hoa, thủ lĩnh trong cộng đồng.

Những phát hiện khảo cổ học tại Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2015 - 2025 đã làm thay đổi một cách căn bản nhận thức khoa học về vai trò của khu vực này trong thời kỳ tiền sử - sơ sử. Các bằng chứng vật chất đã khẳng định Đông Nam Bộ không phải là một vùng ngoại vi văn hóa, mà là một trung tâm năng động, một điểm hội tụ, giao thoa và lan tỏa quan trọng trong các mạng lưới kinh tế - văn hóa kết nối Đông Nam Á lục địa (Nam Thái Lan) và hải đảo (Đài Loan, Philippines). Sự tham gia chủ động của các cộng đồng bản địa, trên nền tảng văn hóa Đồng Nai phát triển rực rỡ, vào các tuyến thương mại hàng hải đã thúc đẩy quá trình chuyển biến xã hội sâu sắc, dẫn đến sự hình thành các xã hội phức hợp.

Để luận giải sâu sắc hơn những vấn đề này, các hướng nghiên cứu trong tương lai cần ưu tiên ứng dụng khoa học tự nhiên, đẩy mạnh phân tích lý hóa (XRF, LA-ICP-MS) để xác định chính xác thành phần và truy xuất nguồn gốc của các hiện vật thương mại như đá ngọc nephrite Đài Loan, đá mica xanh

Philippines và đồ thủy tinh, nhằm củng cố vững chắc hơn cho giả thuyết về tuyến đường trao đổi. Cần phân tích và xây dựng khung niên đại tuyệt đối cho các di tích bằng phương pháp AMS (^{14}C) đối với các mẫu di cốt người, than tro và thành phần hữu cơ trong các mộ chum là yêu cầu cấp thiết để xây dựng một khung niên đại chính xác cho các di tích và quá trình tương tác văn hóa. Đồng thời, cần mở rộng nghiên cứu so sánh ở quy mô liên vùng, đối sánh các

tổ hợp hiện vật và táng thức của Đông Nam Bộ với các văn hóa đương đại như Sa Huỳnh (miền Trung Việt Nam), Tabon (Philippines) và Beinan (Đài Loan) để làm sáng tỏ cơ chế và bản chất của các mối tương tác này. Những nỗ lực nghiên cứu liên ngành này sẽ tiếp tục làm sáng tỏ những trang sử còn ẩn giấu của các cộng đồng cổ tại vùng đất phương Nam, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trong bức tranh chung của lịch sử khu vực. □

CHÚ THÍCH

- (1) Hạt chuỗi làm bằng đá màu mica màu xanh lục, có các đốm nhỏ màu đen, bán thấu quang, dạng tròn, dẹt, hai mặt phẳng, rìa cạnh được mài bo tròn và đánh bóng, dày 4,32mm, đường kính thân 8,02mm, đường kính nhỏ 6,68mm, đường kính lớn 7,21mm. Lỗ khoan từ hai đầu, vết khoan lệch tâm, đường kính lỗ khoan 2,3mm.
- (2) Niên đại tuyệt đối của Gò Me qua cuộc khai quật năm 2004 được Trung tâm Hạt nhân TPHCM xác định bằng phương pháp ^{14}C cho các kết quả là 2.690 ± 80 BP và 2.910 ± 55 BP (Phạm Quang Sơn - Nguyễn Quốc Mạnh, 2005).
- (3) Trong báo cáo khai quật mô tả hiện vật ký hiệu 19.GM.H1.b1.L4.2:80 là hạt chuỗi Indo-Pacific làm bằng thủy tinh, màu đỏ đậm, sọc đen, thân hình trụ tròn, bề mặt trơn nhẵn, một cạnh mòn hơn cạnh còn lại, đường kính 3mm, dài 2mm.
- (4) Hai hiện vật này có lẽ vỡ ra từ một hiện vật làm bằng xương, có màu đen; dạng hình trụ tròn, trên thân có khắc 8-9 vòng trang trí, ở mỗi vòng có 4 đường tròn đồng tâm và một chấm ở tâm, phần thân trên khắc đường rãnh nhỏ.
- (5) Nhóm 22 hạt chuỗi Indo-Pacific màu đỏ có dạng hình trụ tròn, dẹt, đường kính 3mm, dài khoảng 2- 3mm, đường kính lỗ 1mm, trọng lượng 5gr, được làm bằng kỹ thuật kéo ống lada và cắt. Nhóm 35 hạt chuỗi Indo-Pacific có hình dạng và kỹ thuật chế tác tương tự nhưng đường kính lớn hơn, khoảng 4mm, dài khoảng 2mm, đường kính lỗ 1,5mm, trọng lượng 8gr.
- (6) Vòng tay thủy tinh, màu xanh cobalt, bị mẻ một góc nhỏ, tiết diện ngang có dạng hình chữ T, rìa cạnh sắc, đường kính ngoài 11,1cm, đường kính trong 7,1cm. Mặt trong của vòng phẳng, mỏng - dẹt, rộng 2,3cm, dày 0,4cm. Vòng được làm bằng kỹ thuật đúc khuôn và mài bóng.
- (7) Qua trao đổi cá nhân với đoàn khai quật, nhà nghiên cứu Hsiao-chun Hung (ANU) nhận định khả năng vòng tay này không phải nguồn gốc bản địa mà có thể từ khu vực Nam Thái Lan nhưng cần phân tích thành phần nguyên liệu bằng các phương pháp khoa học tự nhiên để có thể khẳng định chính xác hơn.
- (8) Hạt chuỗi hình trụ tròn bằng đá nephrite màu trắng ngà, toàn thân mài nhẵn, bóng mịn, lỗ khoan từ hai đầu, được chế tác bằng kỹ thuật cưa, khoan, mài, đánh bóng. Hạt chuỗi dài 10,7mm, rộng 4,18mm, trọng lượng 0,342gr.
- (9) Hạt chuỗi bị vỡ, chỉ còn một đoạn nhỏ, hình trụ tròn, chất liệu đá Nephrite, màu xám nhạt, toàn thân được mài nhẵn mịn. Kỹ thuật chế tác cưa, khoan, mài, đánh bóng. Kích thước hiện vật: dài 0,79cm, rộng 0,38cm, trọng lượng 0,12gr.

(10) Nhóm 12 hạt chuỗi, gồm 6 hạt còn nguyên dạng, và 6 hạt bị vỡ nhỏ ở một đầu, chất liệu Nephrite, màu trắng ngà, hơi ngả sang xanh lục. Đa phần hạt chuỗi có thân hình trụ tròn, nhưng có 2 hạt thân hơi dẹt, mặt cắt ngang hình oval, và 6 hạt có giác cắt hình lăng trụ. Độ dài hạt chuỗi dao động từ 0,29cm - 1,14cm, rộng 0,37cm - 0,43cm, trong đó có 8 hạt kích cỡ đều nhau, dài từ 0,29cm - 0,44cm, và 4 hạt dài 0,77cm - 1,14cm. Toàn thân hạt chuỗi được mài nhẵn, bóng mịn, 6 hạt có lỗ xỏ rất nhỏ (0,6mm), 1 hạt có thể quan sát rõ dấu vết khoan từ hai phía, 1 hạt có dấu vết khoan lỗ kỹ thuật ở một đầu, kích thước hiện vật: dài 0,29 - 1,14cm, trọng lượng 1,71gr.

(11) Khuyên tai ba mấu làm bằng đá ngọc Nephrite, màu trắng ngà hơi ngả xanh lục, gồm ba phần: thân khuyên, mấu đeo và mấu nhọn quanh thân. Hiện vật tạo dáng giống như hình giọt nước, với ba mấu nhọn ra xòe ra ở mặt dưới thân, được làm bằng kỹ thuật cưa, khoan, mài và đánh bóng. Kích thước khuyên tai: dài 2,99cm, rộng 3,379cm, trọng lượng 12,66gr.

(12) Hạt chuỗi hình trụ hơi dẹt, nguyên dạng, chất liệu đá mica xanh Mindoro (Philippines), màu xanh ngọc bích, mặt cắt ngang gần hình oval, toàn thân được mài nhẵn, bóng mịn. Dài 11,1mm, rộng 5mm, dày 3,9mm, lỗ xỏ dây có đường kính 0,7mm.

(13) Vòng thủy tinh màu xanh dương sẫm, đường kính trung bình khoảng 6,8 - 7,5cm, rộng khoảng 1 - 1,5cm, tiết diện hình tam giác. Dây đeo gồm 175 thanh đồng dạng tròn, rỗng bên trong, được chế tác bằng kỹ thuật uốn tạo ống nên trên dọc thân có một đường hở, dài khoảng 4,5 - 5cm, tiết diện 0,4cm. Đồ sắt có 1 công cụ dạng thuổng, 1 dao sắt, 1 dao ngắn bản lớn và 1 đoạn lưới của loại vũ khí có bản hẹp dài và sắc cạnh (khả năng là dao hoặc kiếm ngắn).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Chí Hoàng (chủ biên). 2017. *Khảo cổ học Nam Bộ thời tiền sử* – Tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Đặng Thị Bé Châu. 2024. “Phát hiện di tích mộ chum ở Cồn Hải Đăng (huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)”. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2023*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Hung, Hsiao-chun and Chao Chin-yung. 2016. “Taiwan’s Early Metal Age and Southeast Asian Trading Systems”. *Antiquity* 90 (354), pp. 1537 1551.
4. Lê Hoàng Phong và cộng sự. 2023a. *Báo cáo khai quật di tích Gò Đất Nại, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
5. Lê Hoàng Phong và cộng sự. 2023b. *Báo cáo kết quả khai quật khảo cổ học di tích Giồng Lớn (thôn 3, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
6. Lê Hoàng Phong và cộng sự. 2024. *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật di tích Kim Long và Cù Bị 7, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
7. Lê Hoàng Phong, Nguyễn Thị Tuyết Trinh và cộng sự. 2019. *Báo cáo kết quả khai quật khảo cổ học di tích Gò Me (xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
8. Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự. 2022. *Báo cáo điều tra, khảo sát khảo cổ học tại Cồn Đảo*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
9. Nguyễn Khánh Trung Kiên và Hsiao-chun Hung. 2025. “Mạng lưới thương mại hàng hải ở Đông Nam Á cổ đại: một góc nhìn qua lăng kính khảo cổ học”. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, số e2(328)2025.
10. Phạm Quang Sơn, Nguyễn Quốc Mạnh 2005. *Báo cáo khoa học Khai quật di chỉ khảo cổ học Gò Me - 2004 (xã Vĩnh Thanh - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.